TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2020/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 28 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH L

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền – Thẩm tra viên - Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh L tham gia phiên họp: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2020/QĐST-VHN ngày 13 tháng 10 năm 2020, gồm những người

tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị S (Ngô Thị S), sinh năm 1967, cư trú tại: ấp 1B, xã L1, huyện C, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Ngô Thị N, sinh năm 1937, cư trú tại: ấp 1B, xã L1, huyện C, tỉnh L.

- Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960, cư trú tại: ấp 1B, xã L1, huyện C, tỉnh L.

- Ông Nguyễn Văn Nhủ, sinh năm 1966, cư trú tại: Số B163C, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B.

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964, cư trú tại: ấp 1B, xã L1, huyện C, tỉnh L.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 15/7/2020 và tại phiên họp, người yêu cầu bà Nguyễn Thị S (bà Ngô Thị S) trình bày như sau: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1935, đã chết ngày 09/4/1969 và bà Ngô Thị N chung sống với nhau từ năm 1958. Trong thời gian chung sống, ông T và bà N có tổng cộng 04 người con bao gồm: bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960, ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964, ông Nguyễn Văn Nhủ, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị S (Ngô Thị S), sinh năm 1967. Ông T và bà N không có con chung hay con riêng nào khác.

Vào thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông T tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ, vì vậy khi làm khai sinh cho bà S, bà N đã khai sinh theo họ mẹ là họ Ngô, là Ngô Thị S, còn tên cha để trống.

Sau này, khi hòa bình, bà S làm lại giấy tờ nhân thân bà S không có khai lại giấy khai sinh, do bà S nghĩ là giấy tờ chế độ không sử dụng được, bà S chỉ làm lại giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu theo họ cha là Nguyễn Thị S, nên có sự khác nhau về họ của bà S trên giấy khai sinh và chứng minh nhân dân, cũng như là sổ hộ khẩu.

Nay bà S yêu cầu Tòa án xác định bà là con của ông Nguyễn Văn T để bà điều chỉnh lại giấy khai sinh của bà theo họ cha.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N trình bày: Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1958. Trong thời gian chung, ông T và bà N có bốn người con chung gồm: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960; Nguyễn Văn K, sinh năm 1964; Nguyễn Văn Nhủ, sinh năm 1966, Nguyễn Thị S; sinh năm 1967.

Vào thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông T tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ, vì vậy khi làm khai sinh cho bà S, bà N đã khai sinh theo họ mẹ là họ Ngô Thị S, phần tên cha để trống. Bà N xác định bà Nguyễn Thị S là con ruột của bà N và ông Nguyễn Văn T. Bà N xác định bà Ngô Thị S và bà Nguyễn Thị S là một người.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/10/2020, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn Nhủ đều trình bày: Các ông, bà thống nhất lời trình bày của bà N, các ông, bà xác định Nguyễn Thị S (Ngô Thị S) là con ruột của ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị N, là anh chị em ruột cùng cha cùng mẹ với các ông, bà. Các ông, bà cũng thống nhất xác định bà Nguyễn Thị S và bà Ngô Thị S là cùng một người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S (Ngô Thị S) về việc xác định ông Nguyễn Văn T là cha của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1]. Bà Nguyễn Thị S (Ngô Thị S) yêu cầu xác định ông Nguyễn Văn T là cha ruột là việc dân sự yêu cầu xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Khoản 10 Điều 28, điểm t Khoản 2 Điều 39, Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Xét thấy, ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị N chung sống với nhau sinh ra 04 người con chung là bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960, ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964, ông Nguyễn Văn Nhủ, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị

S (Ngô Thị S), sinh năm 1967. Theo trích lục khai sinh của bà S thì bà S được khai sinh theo họ mẹ là Ngô Thị S không thể hiện họ tên cha là ông Nguyễn Văn T mà chỉ có họ tên mẹ là bà Ngô Thị N. Ngoài ra, khi bà S làm thủ tục cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, bà S khai theo họ cha là Nguyễn Thị S nên có sự khác nhau về họ của bà S trên các giấy tờ nhân thân hiện nay. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận bà S là con ruột của ông T và bà N, thống nhất xác định bà Nguyễn Thị S và Ngô Thị S là cùng một người, là anh chị em ruột cùng cha cùng mẹ với bà L2, ông Nhủ và ông K. Sự thừa nhận này là phù hợp với Bản sao giấy khai sinh ngày số 140 ngày 01/8/1970 của bà S nên việc bà S yêu cầu xác định bà là con của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên, nên áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu của bà S và xác định bà S là con của ông Nguyễn Văn T.

[3]. Về L2 phí: bà S phải chịu L2 phí việc dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc về án phí và L2 phí Toà án;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 361, 367, 370 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L2 phí Toà án;

Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị S (Ngô Thị S) về việc yêu cầu xác định cha cho con.

Xác định ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1935 (đã chết ngày 09/4/1969) là cha của bà Nguyễn Thị S (tên trên giấy khai sinh là Ngô Thị S theo giấy khai sinh số 140 ngày 01/8/1970 được đăng ký khai sinh tại xã L1, tổng Lộc Thành Thượng, quận Rạch Kiến, tỉnh L, nay là Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C, tỉnh L).

- L2 phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng L2 phí việc dân sự, chuyển 300.000 đồng tạm ứng L2 phí đã nộp theo biên lai số 0008842 ngày 29/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C sang L2 phí.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Nguyễn Võ Thu Xuân